

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH BẬC 2/6
KỲ THI NGÀY 18/9/2022**

(Kèm theo Quyết định số: 50/QĐ-NNTH ngày 22 tháng 9 năm 2022)

TT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	HT			
1	Bùi Ngọc	Ân	04/01/1966	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	20,0	21,5	20,0	20,0	8,0	Đạt	
2	Nguyễn Thị Thu	Ba	29/10/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	21,0	22,0	20,0	20,0	8,5	Đạt	
3	Đinh Thị	Bang	28/10/2002	Quảng Ngãi	Nữ	H're	15,0	22,5	20,0	17,0	7,5	Đạt	
4	Đinh Thị	Bành	04/06/2000	Quảng Ngãi	Nữ	H're	15,0	19,5	20,0	17,0	7,0	Đạt	
5	Trần Thị	Cầm	17/02/1987	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	15,0	21,0	20,0	19,0	7,5	Đạt	
6	Hồ Thị	Cứu	15/01/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Co	10,0	23,0	18,0	18,0	7,0	Đạt	
7	Lê Thị	Chi	12/12/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	13,0	23,5	18,0	16,0	7,0	Đạt	
8	Lê Quang	Chiêu	04/01/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	9,0	23,0	20,0	15,0	6,5	Đạt	
9	Trần Thị Hồng	Diễm	10/05/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	11,0	22,5	19,0	23,0	7,5	Đạt	
10	Huỳnh Hoàng	Diệu	01/12/1986	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	23,0	23,5	20,0	23,0	9,0	Đạt	
11	Nguyễn Thị Khánh	Dung	26/04/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	21,0	21,5	20,0	17,0	8,0	Đạt	
12	Nguyễn Thị Phương	Dung	25/03/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	23,0	22,0	17,0	8,0	Đạt	
13	Nguyễn Tấn	Dũng	08/12/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	17,0	23,0	20,0	21,0	8,0	Đạt	
14	Hồ Thị Mỹ	Duyên	19/02/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	23,0	21,0	19,0	8,0	Đạt	
15	Nguyễn Thị	Duyên	08/09/1978	Nghệ An	Nữ	Kinh	19,0	22,5	20,0	16,0	8,0	Đạt	
16	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	12/11/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	13,0	24,0	22,0	20,0	8,0	Đạt	

TT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	HT			
17	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	17/12/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	11,0	21,0	18,0	19,0	7,0	Đạt	
18	Trương Thành	Đạt	31/03/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	20,0	23,0	19,0	21,0	8,5	Đạt	
19	Đinh Văn	Đức	08/03/2000	Quảng Ngãi	Nam	H're	19,0	22,5	20,0	15,0	7,5	Đạt	
20	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	18/06/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	18,0	23,5	21,0	18,0	8,0	Đạt	
21	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/07/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	18,0	22,5	21,0	21,0	8,5	Đạt	
22	Phạm Thị	Hải	01/08/1990	Quảng Ngãi	Nữ	H're	10,0	22,5	19,0	19,0	7,0	Đạt	
23	Phạm Thị Thu	Hằng	25/02/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,0	23,0	19,0	17,0	7,0	Đạt	
24	Võ Thị Bích	Hằng	02/02/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	23,5	22,0	15,0	8,0	Đạt	
25	Đinh Ngọc	Hân	05/06/2002	Quảng Ngãi	Nữ	H're	19,0	23,0	21,0	20,0	8,5	Đạt	
26	Nguyễn Thị Thu	Hiền	10/02/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	17,0	22,5	20,0	19,0	8,0	Đạt	
27	Võ Thị Thu	Hiền	10/03/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	16,0	22,5	20,0	20,0	8,0	Đạt	
28	Nguyễn Thái	Hiệp	12/06/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	16,0	23,5	20,0	21,0	8,0	Đạt	
29	Đinh Thị	Hiêu	20/12/1997	Quảng Ngãi	Nữ	H're	16,0	24,5	21,0	19,0	8,0	Đạt	
30	Bùi Thị Ánh	Hoa	20/02/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	23,0	19,0	18,0	8,0	Đạt	
31	Phạm Thị	Hoa	02/02/2002	Quảng Ngãi	Nữ	H're	16,0	22,5	20,0	19,0	8,0	Đạt	
32	Dương Thị Kim	Hòa	07/05/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	22,5	20,0	19,0	8,0	Đạt	
33	Phạm Văn	Hoanh	19/06/1968	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	18,0	22,0	23,0	19,0	8,0	Đạt	
34	Đinh Thị	Hồng	20/05/2001	Quảng Ngãi	Nữ	H're	17,0	24,0	20,0	20,0	8,0	Đạt	
35	Lê Thị	Huyền	01/02/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	17,0	23,5	16,0	20,0	7,5	Đạt	
36	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	07/03/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	24,0	19,0	18,0	8,0	Đạt	
37	Võ Thị Ánh	Huyền	27/09/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	17,0	24,0	20,0	18,0	8,0	Đạt	
38	Lê Thị Diễm	Huỳnh	20/08/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	15,0	24,0	19,0	24,0	8,0	Đạt	

TT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	HT			
39	Nguyễn Thị Thuý	Kiều	13/07/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	18,0	23,0	19,0	21,0	8,0	Đạt	
40	Phạm Thị Mỹ	Lệ	01/11/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	18,0	24,0	20,0	17,0	8,0	Đạt	
41	Hồ Thị	Liều	20/05/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Co	18,0	24,0	19,0	18,0	8,0	Đạt	
42	Đinh Thị Mỹ	Linh	20/01/2003	Quảng Ngãi	Nữ	H're	17,0	23,0	21,0	18,0	8,0	Đạt	
43	Tiêu Thị Cẩm	Ly	10/05/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	17,0	22,5	20,0	18,0	8,0	Đạt	
44	Đinh Thị	Lý	22/08/2001	Quảng Ngãi	Nữ	H're	18,0	24,0	20,0	19,0	8,0	Đạt	
45	Đinh Thị	Lý	18/01/2002	Quảng Ngãi	Nữ	H're	18,0	23,0	21,0	18,0	8,0	Đạt	
46	Hồ Thị	Lý	01/10/1985	Quảng Ngãi	Nữ	Co	13,0	24,0	18,0	18,0	7,5	Đạt	
47	Hồ Thị	Lý	15/01/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Co	17,0	23,0	19,0	18,0	7,5	Đạt	
48	Trần Thị Tuyết	Mai	04/01/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	17,0	24,0	20,0	19,0	8,0	Đạt	
49	Nguyễn Minh	Mẫn	24/07/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	15,0	24,0	20,0	17,0	7,5	Đạt	
50	Nguyễn Thị Hạ	My	11/07/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	16,0	23,0	20,0	17,0	7,5	Đạt	
51	Trương Thị Diễm	My	09/08/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	17,0	24,0	20,0	19,0	8,0	Đạt	
52	Đặng Thị Thùy	My	06/05/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	17,0	24,0	21,0	19,0	8,0	Đạt	
53	Nguyễn Võ Xuân	Ni	09/04/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	17,0	24,0	20,0	18,0	8,0	Đạt	
54	Trần Thị	Nương	20/10/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	17,0	23,0	15,0	18,0	7,5	Đạt	
55	Huỳnh Thị Xuân	Ny	29/08/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	22,0	24,0	20,0	19,0	8,5	Đạt	
56	Phạm Đình	Nghệ	18/01/1970	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	20,0	20,5	18,0	15,0	7,5	Đạt	
57	Lê Thị Cẩm	Nguyên	02/02/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	23,0	18,0	15,0	7,5	Đạt	
58	Nguyễn Thanh	Nhàng	23/12/1980	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	19,0	23,5	20,0	18,0	8,0	Đạt	
59	Hồ Thị	Nhân	08/09/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Co	20,0	21,5	20,0	20,0	8,0	Đạt	
60	Trương Thị Yên	Nhi	10/04/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	21,0	23,5	20,0	15,0	8,0	Đạt	

TT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	HT			
61	Lê Cẩm	Nhung	18/04/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	20,0	22,5	19,0	16,5	8,0	Đạt	
62	Trịnh Thị Quỳnh	Nhung	30/05/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	23,0	23,5	21,0	20,0	9,0	Đạt	
63	Hồ Thị Kiều	Oanh	21/04/1988	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	22,0	24,0	20,0	19,0	8,5	Đạt	
64	Tiêu Nhật	Oanh	03/09/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	22,5	19,0	16,5	7,5	Đạt	
65	Huỳnh Tấn	Phiên	24/12/1967	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	22,0	20,5	19,0	16,0	8,0	Đạt	
66	Phan Thị	Phong	09/05/1979	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	23,0	24,0	21,0	18,0	8,5	Đạt	
67	Nguyễn Thị Minh	Phô	21/08/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	21,0	23,5	22,0	19,0	8,5	Đạt	
68	Dương Quang	Phụ	04/02/1996	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	20,0	22,0	19,0	16,0	7,5	Đạt	
69	Nguyễn Hòa	Phương	20/01/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	21,0	21,5	19,0	16,0	8,0	Đạt	
70	Mai Thị Như	Quý	05/08/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	23,5	19,0	18,0	8,0	Đạt	
71	Trần Thị	Quyên	22/04/1979	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	22,0	21,5	17,0	18,0	8,0	Đạt	
72	Phạm Thị Thu	Quyên	12/04/2002	Quảng Ngãi	Nữ	H're	22,0	21,5	17,0	17,0	8,0	Đạt	
73	Phạm Thị	Sa	30/03/2002	Quảng Ngãi	Nữ	H're	20,0	22,5	20,0	17,0	8,0	Đạt	
74	Ngô Thị Thanh	Sang	22/04/1980	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	21,0	19,5	20,0	18,0	8,0	Đạt	
75	Đinh Văn	Suối	12/12/2003	Quảng Ngãi	Nam	H're	21,0	21,0	16,0	16,0	7,5	Đạt	
76	Đặng Thị Thanh	Tiên	26/02/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	22,5	19,0	18,0	8,0	Đạt	
77	Trần Thị Cẩm	Tiên	20/10/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	24,0	20,0	18,0	8,0	Đạt	
78	Nguyễn Đình Minh	Tú	19/01/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	19,0	22,5	18,0	16,0	7,5	Đạt	
79	Võ Quang	Tuyên	21/08/1985	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	23,0	23,5	20,0	16,0	8,5	Đạt	
80	Tạ Đàm Thanh	Tuyền	16/02/2002	TP HCM	Nữ	Kinh	20,0	23,5	23,0	20,0	8,5	Đạt	
81	Võ Thị	Thanh	08/08/1979	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	23,0	23,0	20,0	20,0	8,5	Đạt	
82	Nguyễn Thị Thu	Thảo	06/02/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	19,0	20,0	17,0	7,5	Đạt	

TT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	HT			
83	Nguyễn Văn	Thọ	01/03/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	18,0	23,0	20,0	17,0	8,0	Đạt	
84	Nguyễn Như	Thuận	01/02/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	23,0	22,0	18,0	8,0	Đạt	
85	Nguyễn Thị	Thủy	30/11/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	20,0	23,0	20,0	19,0	8,0	Đạt	
86	Quảng Thị Thanh	Thúy	20/06/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	18,0	23,0	20,0	18,0	8,0	Đạt	
87	Lê Thị Phương	Thương	08/11/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	23,0	19,0	19,0	8,0	Đạt	
88	Nguyễn Thị Hồng	Thương	21/07/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	20,0	23,0	23,0	17,0	8,5	Đạt	
89	Nguyễn Thị Ý	Thương	20/05/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	20,0	23,0	21,0	17,0	8,0	Đạt	
90	Phạm Thị	Trà	30/08/2002	Quảng Ngãi	Nữ	H're	19,0	22,5	19,0	19,0	8,0	Đạt	
91	Võ Thụy	Trang	22/08/1980	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	20,0	23,5	19,0	18,0	8,0	Đạt	
92	Trịnh Bích	Trâm	18/09/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	20,0	21,0	21,0	19,0	8,0	Đạt	
93	Trương Thị	Trinh	31/01/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	20,0	21,0	22,0	18,0	8,0	Đạt	
94	Vy Kiều	Trinh	29/11/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	21,5	23,0	17,0	8,0	Đạt	
95	Trần Bình	Trọng	19/05/1991	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	19,0	21,0	17,0	17,0	7,5	Đạt	
96	Phạm Hoài	Trung	15/11/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	20,0	22,0	20,0	17,0	8,0	Đạt	
97	Ngô Nguyễn Mỹ	Uyên	20/11/2000	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	20,0	22,0	23,0	17,0	8,0	Đạt	
98	Nguyễn Thị	Vân	19/06/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	20,0	21,0	20,0	22,0	8,5	Đạt	
99	Trần Cẩm	Vân	28/07/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	20,0	21,5	20,0	22,0	8,5	Đạt	
100	Trần Thị Thảo	Vân	02/05/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	20,0	22,5	20,0	21,0	8,5	Đạt	
101	Nguyễn Thảo	Vi	03/02/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	20,0	22,0	19,0	21,0	8,0	Đạt	
102	Trần Thị Tường	Vi	04/02/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	22,0	23,0	18,0	8,0	Đạt	
103	Bùi Quốc	Vĩ	13/01/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	19,0	21,0	18,0	18,0	7,5	Đạt	
104	Nguyễn Thị Bích	Vương	22/03/1987	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	22,0	20,0	19,0	8,0	Đạt	

TT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	HT			
105	Phạm Thi	Xanh	10/05/1989	Quảng Ngãi	Nữ	H're	20,0	22,0	19,0	16,0	7,5	Đạt	
106	Đỗ Thị Như	Xuân	20/02/1982	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	20,0	21,0	22,0	16,0	8,0	Đạt	
107	Phạm Thị Như	Ý	25/02/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	21,0	22,0	22,0	18,0	8,5	Đạt	

Danh sách này có: 107 thí sinh.